

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2017/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 10 năm 2017
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Bá Diễn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hùng.

Bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 776/2016/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2016, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ cư trú: 02/3, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: 02/3, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Th có đơn xin vắng mặt; Ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà và ông Phan Văn T cùng làm công nhân ở khu công nghiệp B, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên quen biết rồi yêu thương nhau. Năm 2012, bà với ông Phan

Văn T kết hôn và được UBND xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nơi bà Th có hộ khẩu thường trú) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, ông Phan Văn T đến sống chung với bà tại khu nhà trọ ở địa chỉ số 02/3, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai và cùng làm công nhân ở khu công nghiệp B.

Đến một ngày trong tháng 04/2013 (bà không nhớ ngày cụ thể), bà và ông Phan Văn T cãi nhau, ông Phan Văn T đánh bà nên bị Công an xã đến nhắc nhở. Do bức tức nên ngay hôm đó, ông Phan Văn T bỏ đi và biệt tích cho đến nay. Bà đã thăm hỏi tất cả những chỗ quen biết của bà và ông Phan Văn T nhưng không ai biết ông Phan Văn T đang ở đâu. Bà chưa về quê ông Phan Văn T nên không biết cụ thể thôn, ấp nơi ông Phan Văn T có hộ khẩu thường trú mà chỉ biết địa chỉ xã, huyện, tỉnh được ghi trong giấy chứng nhận kết hôn. Do không biết ông Phan Văn T còn sống hay đã chết nên bà yêu cầu tuyên bố ông Phan Văn T mất tích. Tòa án đã cho đăng tin tìm kiếm ông Phan Văn T trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức gì của ông Phan Văn T, do đó Tòa án đã ra quyết định tuyên bố ông Phan Văn T mất tích.

Do ông Phan Văn T không còn quan tâm gì đến bà nữa, bà đã chờ đợi nhưng vô vọng, đến nay tình cảm yêu thương của bà dành cho ông Phan Văn T không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn T. Bà và ông Phan Văn T chưa có con, tài sản chung, nợ chung đều chưa có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là ông Phan Văn T không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung tranh chấp: Ông Phan Văn T đã bỏ đi biệt tích, vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ, tình cảm bà Nguyễn Thị Th dành cho ông Phan Văn T không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 65 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Th. Bà Th khai không có con chung, không có nợ chung, không yêu cầu phân chia tài sản chung nên không đề cập giải quyết. Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Do ông Phan Văn T vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã lần lượt niêm yết công khai các văn bản tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo kết quả thu thập chứng cứ, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án,

Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa) tại 03 nơi gồm: nơi cư trú cuối cùng của ông Phan Văn T ở số nhà 02/3, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; trụ sở UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom theo đúng thời gian quy định nhưng vẫn không có tin tức gì về ông Phan Văn T. Ông Phan Văn T cũng không đến Tòa án làm việc nên việc hòa giải kêu gọi bà Nguyễn Thị Th, ông Phan Văn T đoàn tụ không thể thực hiện được. Tòa án đã thông báo để ông Phan Văn T tới tham gia phiên tòa 02 lần nhưng ông Phan Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Th đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Th tự nguyện kết hôn và ngày 24/12/2012, được UBND xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Th là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Th cùng làm công nhân tại khu công nghiệp B, huyện T, tỉnh Đồng Nai và cư trú tại số nhà 02/3, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Theo lời khai của bà Huỳnh Thị D là chủ khu nhà trọ số nhà 02/3, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai và xác nhận của Công an xã T trong “Đơn xin xác nhận người vắng mặt tại nơi cư trú” của bà Nguyễn Thị Th lập ngày 20/5/2016 thì ông Phan Văn T bỏ đi biệt tích từ tháng 04/2013. Trên cơ sở này, bà Nguyễn Thị Th đã làm thủ tục yêu cầu Tòa án tìm kiếm ông Phan Văn T vắng mặt tại nơi cư trú và sau đó yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Phan Văn T mất tích. Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th, tuyên bố ông Phan Văn T mất tích (Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật).

Như vậy, từ tháng 04/2013 đến nay, ông Phan Văn T không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ bà Nguyễn Thị Th trong cuộc sống; Ông Phan Văn T không còn cùng bà Nguyễn Thị Th chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn” nên yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th xin ly hôn với ông Phan Văn T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung, nợ chung bà Nguyễn Thị Th khai không có và không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của bà Nguyễn Thị Th, ông Phan Văn T trong vụ án này.

[4] Về án phí ly hôn: bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Th đã nộp.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều: 28, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều: 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm;
- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th.

Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Phan Văn T

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Th đã nộp theo biên lai thu số 006925 ngày 15/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Như vậy, bà Nguyễn Thị Th đã nộp đủ tiền án phí.

3. Ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị Th.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Bá Diễn

